SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

Biểu mẫu 3.2
(Biểu mẫu 10 Thông tư 36)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.1	**Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm**	**1385**	**540**	**488**	**357**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1372 (99.05%)	535 (99.07%)	483 (98.98%)	354 (99.16%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	13 (0.94%)	5 (0.93%)	5 (1.02%)	3 (0.84%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
II.1	**Số học sinh chia theo học lực**	**1385**	**540**	**488**	**357**
1	Giỏi /Tốt (với khối 10) (tỷ lệ so với tổng số)	1062 (76.68%)	304 (56.3%)	422 (86.48%)	336 (94.12%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	310 (22.38%)	225 (41.67%)	64 (13.11%)	21 (5.88%)
3	Trung bình/ Đạt (với khối 10) (tỷ lệ so với tổng số)	13 (0,94%)	11 (2.04%)	2 (0.41%)	0 (0%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1385**	**540**	**488**	**357**
1.1	Lên lớp (đủ điều kiện thi TN) (tỷ lệ so với tổng số)	**1385** (100%)	**540** (100%)	**488** (100%)	**357** (100%)
a	Học sinh xuất sắc (với khối 10) (tỷ lệ so với tổng số)	10 (1,85%)	10 (1.85%)	0 (0%)	0 (0%)
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1047 (75.6%)	293 (54.26%)	418 (85.66%)	336 (94.12%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	89 (6.42%)	0 (0%)	68 (13.93%)	21 (5.88%)
2	Thi lại	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	(tỷ lệ so với tổng số)	(0%)	(0%)	(0%)	(0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0,79%)	0 (0%)	9 (0,65%)	2 (0,14%)
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	8 (0,57%)	0 (0%)	8 (0,57%)	0 (0%)
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**				
1	Cấp huyện				
2	Cấp thành phố	72	4	2	66
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	3		3	
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	356 (100%)			356 (100%)
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	664/721	261/279	232/256	171/186
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	10	6	1	3

Hải Phòng, ngày 03 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Hồng Tiệp